TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 53/2018/QĐST – HNGĐ	*Chiêm Hoá, ngày 02 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa:

**Nguyên đơn:* Chị Nịnh S, S năm 1985.

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã K, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã N, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

**Bị đơn:* Anh Hà T, S năm 1971.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã K, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ Đ, thị trấn VL, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 37, 55, 57, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa: Chị Nịnh S và anh Hà T.

***2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau*:**

- Về con chung: Anh Hà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thị M, S ngày 14/11/2008 và Hà Minh T, S ngày 03/5/2010. Hiện nay cháu Phương, cháu Tâm đang ở cùng anh T.

Chị Nịnh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

Chị Nịnh S có nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền nợ gốc là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 03/4/2018 là 185.457đ cho Ngân hàng C tại sổ vay vốn họ tên người vay là Hà T, mã khách hàng 2304270041. Chị Nịnh S phải thanh toán số tiền lãi suất phát S của khoản vay hộ nghèo tại sổ vay vốn trên kể từ ngày 04/4/2018 đến khi chị S thanh toán xong số tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

Anh Hà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc và lãi suất phát S theo sổ vay vốn họ tên người vay là Hà T, mã khách hàng 2304270041 tính đến ngày 03/4/2018 như sau:

+ Món vay theo chương trình nước sạch và vệ S môi trường số tiền nợ gốc là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), tiền lãi suất là 1.104.087đ (Một triệu một trăm linh tư nghìn không trăm tám mươi bảy đồng).

+ Món vay theo chương trình hộ nghèo số tiền nợ gốc là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), tiền lãi suất là 1.047.570đ (Một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi đồng).

Anh Hà T còn phải thanh toán số tiền lãi suất phát S theo sổ vay vốn họ tên người vay là Hà T, mã khách hàng 2304270041 kể từ ngày 04/4/2018 đến khi anh T thanh toán xong số tiền nợ gốc cho Ngân hàng

*** Về án phí**: Chị Nịnh S nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Nịnh S đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0005428 ngày 30/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, nay được khấu trừ 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* thành tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn *(chị S đã nộp đủ tiền án phí)*.

Trả cho chị Nịnh S số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) do nộp tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Kiên Đài (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Loan